

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NÔNG CỐNG
TỈNH THANH HÓA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 20/2025/HNGĐ - ST

Ngày 16 - 5 - 2025

V/v: Ly hôn và nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NÔNG CỐNG, TỈNH THANH HOÁ

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trịnh Thị Hà

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Dệt

2. Bà Bùi Thị Vân

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Doãn Phương Liên - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa:** Ông Lê Đức Thảo - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 5 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nông Cống xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 76/2025/TLST - HNGĐ ngày 02 tháng 4 năm 2025 về việc “Ly hôn và nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 31/2025/QĐXXST - HNGĐ ngày 05/5/2025, giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Chị Lê Thị T, sinh năm 1996 (có mặt)

ĐKKHKT: Thôn Đ, xã C, huyện N, tỉnh Thanh Hóa.

2. **Bị đơn:** Anh Lê Văn K, sinh năm 1992 (vắng mặt)

ĐKKHKT: Thôn Đ, xã C, huyện N, tỉnh Thanh Hóa.

Nơi ở hiện nay: Số nhà H9 - KDC A, ấp L, phường A, thành phố B, tỉnh Bình Dương.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Tại đơn khởi kiện ngày 25/3/2025, bản tự khai ngày 14/4/2025 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Lê Thị T trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Lê Văn K xây dựng gia đình với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 31/7/2015 tại UBND xã N1, huyện S, tỉnh Thanh Hóa. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống bình thường, đến tháng 02/2024 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do tính tình không hợp, trong cuộc sống vợ chồng bất đồng quan điểm về mọi mặt, không có tiếng nói chung. Vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi nhau. Anh K

không quan tâm đến chị, vợ chồng chung sống không còn tình cảm. Vợ chồng sống ly thân từ tháng 02/2024 đến nay, mỗi người ở mỗi nơi, không ai quan tâm đến ai. Nay chị xét thấy tình cảm giữa chị và anh Lê Văn K không còn, mâu thuẫn gia đình đã trầm trọng, cuộc sống hôn nhân không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Lê Văn K.

- Về con chung: Chị và anh Lê Văn K có 02 con chung là Lê Quang T1, sinh ngày 04/01/2016 và Lê Quang L, sinh ngày 09/8/2021. Hiện nay 2 con đang ở với anh K. Khi ly hôn chị T giao 2 con cho anh K trực tiếp nuôi dưỡng. Chị có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi mỗi con là 1.000.000đ/tháng (2 con là 2.000.000đ/tháng).

- Về tài sản và nợ chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Theo Quyết định ủy thác thu thập chứng cứ của Tòa án nhân dân huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa, tại Bản tự khai ngày 28/4/2025 tại Tòa án nhân dân thành phố Bến Cát, tỉnh Bình Dương, bị đơn anh Lê Văn K trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Lê Thị T tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn vào ngày 31/7/2015 tại UBND xã N1, huyện S, tỉnh Thanh Hóa. Vợ chồng phát sinh mâu thuẫn là do chị T có quan hệ tình cảm với người đàn ông khác. Anh đã tha thứ nhưng chị T không thay đổi. Chị T tự ý bỏ đi. Tình cảm vợ chồng không còn hạnh phúc. Nay chị T yêu cầu ly hôn thì anh cũng đồng ý.

- Về con chung: Anh và chị T có 02 con chung là Lê Quang T1, sinh ngày 04/01/2016 và Lê Quang L, sinh ngày 09/8/2021. Hiện nay 2 con đang ở với anh. Khi ly hôn anh xin được nuôi 2 con và yêu cầu chị T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi mỗi con là 1.000.000đ/tháng (2 con là 2.000.000đ/tháng).

- Về tài sản và nợ chung: Anh K không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Tại phiên tòa:*

- Chị Lê Thị T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Lê Văn K. Về con chung: Chị T giao 2 con cho anh K trực tiếp nuôi dưỡng. Chị có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi mỗi con là 1.000.000đ/tháng (2 con là 2.000.000đ/tháng). Về tài sản và nợ chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Anh Lê Văn K có đơn xin xét xử vắng mặt. Tại đơn xin xét xử vắng mặt anh K vẫn giữ nguyên quan điểm như đã trình bày tại bản tự khai ngày 28/4/2025.

** Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nông Cống tại phiên tòa sơ thẩm:*

- Về tố tụng:

+ Về việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật trong việc xác định thẩm quyền giải quyết vụ án, xác định tư cách tố tụng

của các đương sự; việc thực hiện các thủ tục tố tụng như xác minh thu thập chứng cứ, ban hành và giao các văn bản tố tụng đều đúng và đầy đủ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự (viết tắt là BLTTDS).

+ Về việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa: Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tuân theo đầy đủ các quy định của BLTTDS.

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của đương sự: Đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật. Bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Vì vậy, đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn theo khoản 1 Điều 228 BLTTDS.

- Về nội dung:

+ Chị T và anh K kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã N1, huyện S, tỉnh Thanh Hóa vào ngày 31/7/2015, vì vậy đây là hôn nhân hợp pháp.

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 110, Điều 116, Điều 117 và Điều 118 Luật Hôn nhân và gia đình xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; cho chị T được ly hôn anh K.

+ Về con chung: Giao 2 cháu Lê Quang T1, sinh ngày 04/01/2016 và Lê Quang L, sinh ngày 09/8/2021 cho anh K trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi mỗi con là 1.000.000đ/tháng (2 con là 2.000.000đ/tháng) đến khi 2 con thành niên.

+ Về tài sản chung: Chị T và anh K không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

+ Về án phí: Căn cứ Điều 147 BLTTDS; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: Chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Anh Lê Văn K có địa chỉ thường trú tại thôn Đ, xã C, huyện N, tỉnh Thanh Hóa nên chị Lê Thị T yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Nông Cống giải quyết ly hôn là đúng với quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 36 và Điều 39 BLTTDS.

Tại phiên tòa anh Lê Văn K có đơn xin xét xử vắng mặt. Vì vậy, Tòa án xét xử vắng mặt anh K theo quy định tại khoản 1 Điều 228 BLTTDS.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa chị Lê Thị T và anh Lê Văn K dựa trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp. Đánh giá về thực trạng quan hệ vợ chồng: nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống, không có tiếng nói chung, không còn tin tưởng nhau, tình cảm vợ chồng không còn. Chị T và anh K sống ly thân từ tháng 02 năm 2024 đến nay. Chị T xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng nên vẫn giữ nguyên quan điểm ly hôn. Đối với anh K cũng đồng ý ly hôn chị T. Xét thấy chị T và anh K đã sống ly thân, đời sống chung của vợ chồng đã chấm dứt. Mục đích hôn nhân là xây dựng gia đình hòa thuận, hạnh phúc không đạt được nên áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử chấp nhận yêu cầu của chị T được ly hôn anh K là phù hợp.

[2.2]. Về con chung: Chị T và anh K có 2 con chung là Lê Quang T1, sinh ngày 04/01/2016 và Lê Quang L, sinh ngày 09/8/2021. Hiện nay 2 con đang ở với anh K. Khi ly hôn chị T và anh K đều thống nhất giao 2 con cho anh K trực tiếp nuôi dưỡng. Cháu Lê Quang T1 cũng có nguyện vọng xin được ở với anh K. Xét thấy sự thỏa thuận của chị T và anh K là tự nguyện và để tránh xáo trộn cuộc sống của 2 con, do đó Hội đồng xét xử giao 2 con cho anh K trực tiếp nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng: Chị T cấp dưỡng nuôi mỗi con là 1.000.000đ/tháng (2 con là 2.000.000đ/tháng). Thời điểm cấp dưỡng tính từ tháng 5/2025 đến khi con thành niên. Phương thức cấp dưỡng định kỳ hằng tháng.

[2.3]. Về tài sản và nợ chung: Chị T và anh K không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Về án phí: Chị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 110, Điều 116, Điều 117 và Điều 118 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 1 Điều 228, khoản 4 Điều 147, Điều 271 và Điều 273 BLTTDS; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết số 326:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện, chị Lê Thị T được ly hôn anh Lê Văn K.

2. Về con chung: Giao 2 cháu Lê Quang T1, sinh ngày 04/01/2016 và Lê

Quang L, sinh ngày 09/8/2021 cho anh K trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi mỗi con là 1.000.000đ/tháng (2 con là 2.000.000đ/tháng). Thời điểm cấp dưỡng kể từ tháng 5/2025 đến khi 2 con thành niên. Phương thức cấp dưỡng định kỳ hằng tháng.

Chị Lê Thị T có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở.

2. Về án phí: Chị Lê Thị T phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) chị T đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa theo biên lai thu số 0005456 ngày 01/4/2025. Chị T còn phải nộp tiếp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con.

4. Quyền kháng cáo: Chị T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, anh K được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKSND huyện Nông Cống;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- Chi cục THADS H. Nông Cống;
- UBND xã N1, huyện S;
- Lưu hs, vp.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Trịnh Thị Hà

